

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường tại Thông báo kết quả thẩm định số 1455/STNMT-ĐTM ngày 15/4/2021; xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1008/UBND-XD ngày 26/4/2021 của UBND huyện Bình Sơn và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1738/TTr-STNMT ngày 27/4/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Bình Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án chịu trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND huyện Bình Sơn theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND xã Bình Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

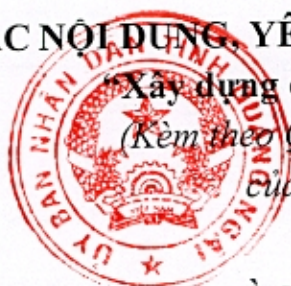
**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNTN, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXD251.



**Đặng Văn Minh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**



**“Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường”**  
(Kèm theo Quyết định số **621** /QĐ-UBND ngày **29** /4/2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**1. Thông tin về dự án:**

- a) Chủ dự án: UBND huyện Bình Sơn.  
b) Địa điểm, quy mô của Dự án:  
b.1) Địa điểm: xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.  
b.2) Diện tích và quy mô Dự án:  
- Quy mô diện tích: Tổng diện tích 26,79 ha.  
- Quy mô dân số: 2.860 người.  
- Loại hình dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư.  
- Các hạng mục công trình của Dự án:

TT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	111.147,76	41,48
1.1	Đất ở kết hợp với kinh doanh	10.233,08	3,82
1.2	Đất ở nhà tái định cư	100.914,68	37,66
2	Đất công cộng	13.008,18	4,85
2.1	Đất công cộng đơn vị ở	6.792,58	2,53
2.2	Đất giáo dục	6.215,60	2,32
3	Đất công viên cây xanh	36.819,11	13,74
3.1	Đất công viên cây xanh đô thị	28.950,19	10,80
3.2	Đất công viên cây xanh đơn vị ở	7.868,92	2,94
4	Đất giao thông khu đô thị	101.797,13	37,99
5	Đất kỹ thuật sau nhà	4.945,68	1,85
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm xử lý nước thải tập trung)	228,24	0,09
Tổng diện tích		267.946,10	100

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

- a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	NGUỒN GÂY Ô NHIỄM
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Giải phóng mặt bằng; Phá bỏ thảm thực vật	Bụi và khí thải, chất thải rắn thông thường, tiếng ồn.
1.2	San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại.
1.3	Vận chuyển nguyên liệu xây dựng, thiết bị máy móc	Tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải vệ sinh máy móc thiết bị, tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
1.4	Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, khói thải từ các phương tiện giao thông.
2.2	Sinh hoạt của người dân trong khu dân cư, khu công cộng,...	Khí thải từ hoạt động đun nấu, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải và mùi hôi (hệ thống xử lý và tại các thùng chứa rác).
2.3	Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung	Mùi hôi, bùn thải.

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Nước thải sinh hoạt	50 công nhân với lưu lượng khoảng 3 m <sup>3</sup> /ngày.
1.2	Nước thải từ các hoạt động thi công, xây dựng	Vệ sinh máy móc, thiết bị.
1.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt thi công Dự án.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Nước thải sinh hoạt	Dân số 2.860 người, phát sinh khoảng 253,3 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
2.2	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật.	Bụi, khí thải và tiếng ồn.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Hoạt động của các phương tiện giao thông	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện giao thông
2.2	Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung	Mùi do phát sinh các chất khí như H <sub>2</sub> S, SO <sub>x</sub> , NO <sub>x</sub> , và khí hữu cơ như mercaptans,... từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ.

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	50 công nhân phát sinh khoảng 20kg/ngày.
1.2	Chất thải rắn xây dựng (đất đào, đất hữu cơ bóc phong hóa, xà bần, sinh khối)	Đất đào: khoảng 442.547,18 m <sup>3</sup> Sinh khối: khoảng 148,6 tấn Xà bần: khoảng 60 tấn
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Từ các hộ dân, khu thương mại dịch vụ phát sinh khoảng 2.574 kg/ngày.

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị xây dựng	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,... khoảng 5 kg/tháng.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dân cư, và hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung	Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, thiết bị điện, điện tử, hộp mực in thải,...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Trang bị nhà vệ sinh tạm cho công nhân.	Thuê đơn vị chức năng hút đi xử lý
1.2	Nước thải xây dựng	Sử dụng nguồn nước hợp lý (vừa đủ) trong quá trình bảo dưỡng bê tông và làm ẩm vật liệu, hạn chế nước thừa chảy tràn lan ra môi trường.	Tự thấm xuống đất
1.3	Nước mưa chảy tràn	- Không thi công khi có mưa lớn, đồng thời tiến hành che phủ các máy móc, thiết bị xây dựng. - Các kho để vật liệu xây dựng được bố trí nơi cao ráo, tránh ngập nước và phải che chắn hợp lý. - Đào rãnh thoát nước mưa sau đó qua hố ga lắng cặn bẩn trước khi thải ra môi trường.	Chảy theo địa hình tự nhiên của khu vực
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>		
2.1	Nước thải sinh hoạt	- Thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án. - Trạm xử lý nước thải với công suất 320m <sup>3</sup> /ngày đêm, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A	Hệ thống thoát nước chung của khu vực
2.2	Nước mưa chảy tràn	Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực Dự án	Hệ thống thoát nước mưa của khu vực

b) Về xử lý bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc; San lấp mặt bằng; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Xây dựng tường rào (cao tối thiểu 2 m) xung quanh toàn bộ ranh giới dự án; Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh;....
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Hoạt động giao thông	Bê tông nhựa các đường giao thông nội bộ của dự án; Trồng cây xanh;...

2.2	Khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải	Xây dựng ngầm, kín trong khuôn viên cây xanh, đảm bảo khoảng cách xây dựng. Xây dựng hệ thống khử mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (tháp xử lý mùi).
-----	--	--

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Thu gom riêng vào nơi lưu chứa tạm thời tại khu vực Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>	
1.1	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,..	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, lưu giữ tạm thời trong kho chứa cùng với các vật liệu xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, thiết bị điện, điện tử, hộp mực in thải	Được thu gom vào các thiết bị lưu chứa và khi đủ số lượng sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>	
1.1	Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển và máy móc	- Kiểm soát việc bố trí các thiết bị gây ồn và hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn. - Phương tiện sử dụng không chờ vượt quá tải trọng

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
	thiết bị thi công	cho phép, tắt máy khi không cần thiết. - Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp. - Bố trí thời gian thi công, vận chuyển ra vào phù hợp. - Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc xây dựng.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
1.1	Tiếng ồn từ phương tiện giao thông	Trồng cây xanh nhằm hạn chế ô nhiễm tiếng ồn.

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn thi công xây dựng</b>	
1.1	An toàn lao động, phòng chống cháy nổ	- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết theo quy định; Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra. - Xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ;...
1.2	An toàn giao thông	- Bố trí người hướng dẫn, phân luồng cho các xe vận chuyển khi quay đầu hoặc khi lùi xe; - Sử dụng xe vẫn còn hạn đăng kiểm và chạy đúng tốc độ quy định.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Phòng chống sự cố cháy nổ	Xây dựng hệ thống cấp nước chữa cháy; Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định.
2.2	Sự cố của hệ thống xử lý nước thải	- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định; - Nhanh chóng thay thế thiết bị trong trường hợp bị hư hỏng thiết bị, máy bơm,... - Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất là 320m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc



gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

### 5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường:

TT	Vị trí giám sát	Thông số/ tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
<b>Giai đoạn hoạt động</b>			
	Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung	- Lưu lượng, pH, BOD <sub>5</sub> , TSS, Tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO <sub>4</sub> <sup>-3</sup> , Coliforms.  - Tần suất: 3 tháng/lần.	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A)

### 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng Dự án.

a.2) Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, đảm bảo không để ngập úng cục bộ các khu vực xung quanh khi dự án đi vào hoạt động.

a.3) Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt; thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu tái định cư về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A) trước khi thoát nguồn tiếp nhận.

a.4) Bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu; thực hiện các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và mỹ quan đô thị trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

a.5) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và các quy định khác về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

a.6) Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng cứu các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Dự án; thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, khi phát hiện có sự cố xảy ra phải nhanh chóng khắc phục và thông báo cho các cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý kịp thời.

a.7) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

a.8) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát.

a.9) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo đúng các quy định hiện hành.

b) Chủ dự án có các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật.

b.2) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

b.3) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

b.4) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

b.5) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

b.6) Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.